

Ngày 18 tháng 08 năm 2023



**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

**Công ty cổ phần May Mặc Bình Dương**

**Mã chứng khoán: BDG**

**Trụ sở chính:** Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**Điện thoại:** 0274.3755 143      **Fax:** 0274.3755 415

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Minh Thùy

**Loại thông tin công bố:**  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

- Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2023 đã được soát xét (Báo cáo hợp nhất)
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18 tháng 08 năm 2023 tại đường dẫn <http://www.protradegarment.com> (mục Quan hệ cổ đông – Thông tin tài chính).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người thực hiện công bố thông tin**

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2023 đã được soát xét
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ

NGUYỄN MINH THÙY





Mẫu số 01-A

**CÔNG TY CP MAY MẶC  
BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/CBTT-2023

Bình Dương, ngày 18 tháng 08 năm 2023

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ năm 2023 đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

- Mã chứng khoán: **BDG**
- Địa chỉ: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0274.3755 143 Fax: 0274.3755 415
- Email: [minhthuy-tv@protradegarment.com](mailto:minhthuy-tv@protradegarment.com)
- Website: <http://www.protradegarment.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC giữa niên độ năm 2023 đã được soát xét
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC giữa niên độ đã được soát xét năm 2023):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC giữa niên độ đã được soát xét năm 2023):

Có  Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 18/08/2023 tại đường dẫn: <http://www.protradegarment.com> (mục Quan hệ cổ đông – Thông tin tài chính).

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2023 đã được soát xét
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ

**Đại diện tổ chức**

Người UQCBTT



NGUYỄN MINH THỦY



V/v: Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét năm 2023 giảm 49% so với cùng kỳ năm trước

Thuận An, ngày 18 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty đăng ký giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0274.3755 143 Fax: 0274.3755 415
- Email: minhthuy-tv@protradegarment.com

- Mã chứng khoán: **BDG**

Căn cứ Thông tư 196/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2023 đã được soát xét của Công ty.

Công ty giải trình về mức giảm lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước như sau:

Stt	Nội dung	6 tháng năm 2022	6 tháng năm 2023	Giảm	
				Số tiền	%
1	Lợi nhuận sau thuế	77,618,378,240	39,299,382,626	38,318,995,614	49%

#### Nguyên nhân:

Nguyên nhân chính làm giảm lợi nhuận của công ty so với cùng kỳ chủ yếu như sau:

STT	Khoản mục	6 tháng năm 2022	6 tháng năm 2023	Tăng/giảm	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng	899,975,639,710	741,262,241,067	-158,713,398,643	Giảm sản lượng xuất hàng
2	Giá vốn hàng bán	737,685,974,361	623,875,514,345	-113,810,460,016	Do giảm sản lượng bán ra
3.1	Doanh thu hoạt động tài chính (lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ)	21,144,672,461	14,404,000,593	-6,740,671,868	Giảm chênh lệch tỷ giá trong kỳ
3.2	Doanh thu hoạt động tài chính khác	10,799,405,063	-	-10,799,405,063	Giảm phần lãi chênh lệch giữa giá trị hợp lý và





STT	Khoản mục	6 tháng năm 2022	6 tháng năm 2023	Tăng/giảm	Ghi chú
					giá trị theo phương pháp VCSH của khoản đầu tư phát sinh từ trước ngày đạt quyền kiểm soát công ty con - CTCP Phát triển Thời trang (31/03/2022)
4.1	Chi phí tài chính (lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ)	11,575,358,513	8,742,188,629	-2,833,169,884	Giảm chênh lệch tỷ giá trong kỳ
4.2	Chi phí lãi vay	5,879,376,447	8,955,345,912	3,075,969,465	Tăng khoản chi phí lãi vay của CTCP Phát triển Thời trang
5	Chi phí xuất hàng	12,176,795,423	6,124,549,703	-6,052,245,720	Giảm sản lượng xuất hàng
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	65,470,950,722	60,221,520,450	-5,249,430,272	Giảm trích trước lương 13
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	15,020,043,852	8,752,553,640	-6,267,490,212	Do giảm lợi nhuận trước thuế trong kỳ
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5,163,985,122	1,643,054,351	-3,520,930,771	Do giảm khoản dự phòng đầu tư tài chính của công ty mẹ vào công ty con

Công ty cổ phần May Mặc Bình Dương giải trình nguyên nhân giảm lợi nhuận như trên.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

  
 PHAN THÀNH ĐỨC

  
 CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023  
(đã được soát xét)





# CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

---

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05 - 38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 38



## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ tư (04) ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thành Đức	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thành Đức	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Trọng Nghĩa	Trưởng ban
Ông Hứa Tuấn Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 26/04/2023

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Bình Dương, ngày 17 tháng 08 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được lập ngày 17 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2023

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>762.166.304.793</b>	<b>802.131.446.097</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>112.311.665.365</b>	<b>167.291.649.573</b>
111	1. Tiền		37.131.165.365	167.291.649.573
112	2. Các khoản tương đương tiền		75.180.500.000	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>113.524.291.699</b>	<b>119.594.791.699</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		113.524.291.699	119.594.791.699
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>229.168.956.237</b>	<b>194.021.006.719</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	221.605.586.789	185.701.960.998
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	2.895.048.761	3.953.403.716
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	4.912.113.861	4.609.435.179
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(243.793.174)	(243.793.174)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>258.384.251.730</b>	<b>274.884.195.795</b>
141	1. Hàng tồn kho		258.384.251.730	274.884.195.795
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>48.777.139.762</b>	<b>46.339.802.311</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	6.011.522.905	3.126.775.738
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		31.997.826.174	35.910.812.573
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	10.767.790.683	7.302.214.000
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>270.950.037.675</b>	<b>282.834.889.190</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>407.733.066</b>	<b>407.733.066</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	407.733.066	407.733.066
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>212.462.714.509</b>	<b>225.084.147.747</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	210.828.993.554	223.652.719.142
222	- Nguyên giá		524.250.570.808	518.712.576.609
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(313.421.577.254)	(295.059.857.467)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.633.720.955	1.431.428.605
228	- Nguyên giá		9.414.714.111	8.988.029.711
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.780.993.156)	(7.556.601.106)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>109.137.739</b>	<b>619.617.400</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		109.137.739	619.617.400
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>04</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>-</b>
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>54.970.452.361</b>	<b>56.723.390.977</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	35.515.641.768	36.156.876.922
269	2. Lợi thế thương mại	13	19.454.810.593	20.566.514.055
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.033.116.342.468</b>	<b>1.084.966.335.287</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>554.192.778.114</b>	<b>557.648.875.830</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>456.341.549.114</b>	<b>433.740.701.181</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	139.876.551.996	141.740.002.828
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.360.750	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	10.218.948.574	45.995.566.070
314	4. Phải trả người lao động		64.296.790.932	74.006.302.839
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.653.462.630	536.402.487
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	77.271.029.912	4.999.302.874
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	154.062.300.401	161.449.378.479
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.961.103.919	5.013.745.604
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>97.851.229.000</b>	<b>123.908.174.649</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	77.722.178.558	105.422.178.558
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32	20.129.050.442	18.485.996.091
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>478.923.564.354</b>	<b>527.317.459.457</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>478.923.564.354</b>	<b>527.317.459.457</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		247.999.200.000	247.999.200.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		247.999.200.000	247.999.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.334.259	130.334.259
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(1.135.037.967)	(1.135.037.967)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		59.369.394.731	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		146.406.003.975	257.214.754.162
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		105.470.342.713	30.907.119.598
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		40.935.661.262	226.307.634.564
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		26.153.669.356	23.108.209.003
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.033.116.342.468</b>	<b>1.084.966.335.287</b>

Người lập

Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 17 tháng 08 năm 2023



Tổng Giám đốc

Phan Thành Đức



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	745.240.556.105	899.990.998.159
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	3.978.315.038	15.358.449
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		741.262.241.067	899.975.639.710
11	4. Giá vốn hàng bán	23	623.875.514.345	737.685.974.361
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		117.386.726.722	162.289.665.349
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	18.674.374.561	34.023.022.428
22	7. Chi phí tài chính	25	18.330.474.058	18.659.004.346
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.955.345.912	5.879.376.447
24	8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	26	-	1.598.499
25	9. Chi phí bán hàng	27	11.338.044.491	17.124.023.182
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	60.221.520.450	65.470.950.722
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		46.171.062.284	95.060.308.026
31	12. Thu nhập khác	29	4.993.082.171	3.756.148.768
32	13. Chi phí khác	30	1.469.153.838	1.014.049.580
40	14. Lợi nhuận khác		3.523.928.333	2.742.099.188
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		49.694.990.617	97.802.407.214
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	8.752.553.640	15.020.043.852
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32	1.643.054.351	5.163.985.122
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>39.299.382.626</u>	<u>77.618.378.240</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		40.935.661.262	81.470.231.327
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(1.636.278.636)	(3.851.853.087)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	1.651	3.285

Bình Dương, ngày 17 tháng 08 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phan Thành Đức

Đoàn Thị Kim Ngân

Đoàn Thị Kim Ngân



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		49.694.990.617	97.802.407.214
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		19.697.815.299	14.628.132.896
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		632.939.517	1.204.269.386
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.257.480.803)	(2.062.776.145)
06	- Chi phí lãi vay		8.955.345.912	5.879.376.447
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	(862.952.134)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		74.723.610.542	116.588.457.664
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(33.216.957.068)	(26.649.705.148)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		16.499.944.065	(25.037.711.110)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(11.526.467.336)	34.285.443.869
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.243.512.013)	(2.259.893.757)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.220.039.737)	(5.897.349.257)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(45.078.995.330)	(11.940.103.528)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.905.500.455)	(2.632.564.531)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.967.917.332)	76.456.574.202
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.454.198.938)	(9.411.304.983)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(69.110.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		72.180.500.000	56.047.500.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(7.944.714.617)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.268.566.733	2.761.341.412
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		884.867.795	41.452.821.812
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		658.716.969.746	791.989.327.943
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(694.722.594.345)	(910.401.906.411)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(36.005.624.599)	(118.412.578.468)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(55.088.674.136)	(503.182.454)



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		167.291.649.573	34.488.184.772
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		108.689.928	20.953.115
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>112.311.665.365</u>	<u>34.005.955.433</u>

Người lập

Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 17 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ tư (04) ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 247.999.200.000 đồng; tương đương 24.799.920 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ cồn đăng ten, thêu ren, thắt lưng);
- Mua bán hàng may thêu;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;
- Kinh doanh dịch vụ wash (không hoạt động tại trụ sở).

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tình hình dịch Covid-19 đã được kiểm soát, Công ty từng bước ổn định sản xuất, kinh doanh. Sản lượng sản xuất, tiêu thụ trong năm 2022 tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, từ cuối quý IV/2022, tình hình kinh tế – chính trị thế giới bất ngờ gặp hàng loạt các vấn đề như: Chiến tranh Nga – Ukraine vẫn căng thẳng, tăng trưởng kinh tế suy giảm, lạm phát tăng cao, cùng với đó là việc siết chặt chi tiêu từ người tiêu dùng. Điều này khiến cho các đơn hàng xuất khẩu giảm, kết quả kinh doanh trong 6 tháng 2023 của Công ty cũng giảm so với cùng kỳ. Cụ thể, lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 49,694 tỷ đồng, giảm 48,107 tỷ đồng (tương đương mức giảm 49,19%) so với kỳ trước. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong kỳ này đạt 741,262 tỷ đồng, giảm 158,713 tỷ đồng (tương đương mức giảm 17,64%) so với kỳ trước.

#### Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2023 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Protrade Laundry <sup>(1)</sup>	Tỉnh Bình Dương	99,80%	99,80%	May mặc
2	Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Tỉnh Bình Dương	68,70%	68,70%	Wash



<sup>(1)</sup> Căn cứ tờ trình số 13/TT-Tr-TGD ngày 15/01/2021 về hoạt động của Công ty Cổ phần Protrade Laundry (Công ty con), Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương đã thống nhất đóng cửa Công ty Cổ phần Protrade Laundry chậm nhất là ngày 30/06/2022 theo Nghị Quyết số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 22/01/2021. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Protrade Laundry cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được lập trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo quy định hiện hành.

Công ty Cổ phần Protrade Laundry đang tiến hành hoàn tất các thủ tục cần thiết liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, giải quyết các nghĩa vụ và quyền lợi theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi chấm dứt hoạt động, Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương sẽ kế thừa mọi quyền và nghĩa vụ (nếu có) của Công ty Cổ phần Protrade Laundry theo giá trị sổ sách, do đó Công ty không tiến hành đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry khi lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Protrade Laundry cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được lập trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### *Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

#### *Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con*

- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn;
- Trường hợp hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung: khi chuyển công ty con sở hữu gián tiếp thành công ty con sở hữu trực tiếp hoặc ngược lại, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con do thay đổi cơ cấu sở hữu trong công ty con.



**2.4 . Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.



## 2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 30/06/2023, do đó toàn bộ các khoản nợ phải thu được trình bày ngắn hạn. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản công nợ phải thu đó.

## 2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 30/06/2023, do đó việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của hàng tồn kho.

## 2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm



Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 30/06/2023, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế.

#### **2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

#### **2.13 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### **2.14 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

#### **2.15 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 30/06/2023, do đó toàn bộ các khoản nợ phải trả được trình bày ngắn hạn.

#### **2.16 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **2.17 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**2.18 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí thuê nhà xưởng, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.20 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.22 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



### **2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Tại Công ty mẹ và Công ty con, hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### **2.25 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

### **2.26 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### **2.27 . Thông tin bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu đi thị trường nước ngoài. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	611.061.931	449.976.167
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.520.103.434	166.841.673.406
Các khoản tương đương tiền <sup>(1)</sup>	75.180.500.000	-
	<b>112.311.665.365</b>	<b>167.291.649.573</b>

<sup>(1)</sup> Tại ngày 30/06/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 75.180.500.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,3%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>113.524.291.699</b>	-	<b>119.594.791.699</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(2)</sup>	113.524.291.699	-	119.594.791.699	-
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>3.000.000.000</b>	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(3)</sup>	3.000.000.000	-	-	-
	<b>116.524.291.699</b>	-	<b>119.594.791.699</b>	-

<sup>(2)</sup> Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/ năm đến 8,8%/ năm. Trong đó, tổng số tiền gửi có kỳ hạn đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị là 44.414.291.699 đồng. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 14).

<sup>(3)</sup> Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 6%/ năm. Trong đó, tổng số tiền gửi có kỳ hạn đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng thương mại với giá trị là 3.000.000.000 đồng. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 14).



## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

## b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	%	VND	VND	%
- Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân <sup>(4)</sup>	-	-	13,19	-	-	13,19
	-	-		-	-	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

<sup>(4)</sup> Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân với tỷ lệ sở hữu chiếm 13,19% vốn điều lệ, có giá trị bằng 0 đồng do Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa. Tại thời điểm 30/06/2023, Công ty này vẫn đang tạm ngưng hoạt động và có số lỗ lũy kế đã vượt giá trị vốn chủ sở hữu.



**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>				
- Rcrv Inc Dba Rock Revival	93.883.661.110	-	74.616.190.659	-
- Victory 2020, LLC (DBA Miss Me)	70.476.746.420	-	48.421.972.886	-
- Olymp Bezner Kg Hopfighemer	23.250.460.538	-	40.887.549.087	-
- Eunina Inc	17.042.644.554	-	9.456.990.216	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	16.952.074.167	-	12.319.258.150	-
	<b>221.605.586.789</b>	<b>-</b>	<b>185.701.960.998</b>	<b>-</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>				
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Dịch vụ Tiến Phát Tài	122.500.000	-	2.409.645.230	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Và Du lịch Sài Gòn Sông Bé	111.782.922	-	611.296.043	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Bạch Đằng	450.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Du lịch BAZAN Việt Nam	441.000.000	-	-	-
- Lu Thai Textile Co.,Ltd	460.239.064	-	-	-
- Công ty TNHH Kỹ Thuật Thiết Bị Công Nghiệp Hữu Quân	268.840.000	-	-	-
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Trường Luỹ	288.000.000	-	-	-
- Trả trước các đối tượng khác	752.686.775	-	932.462.443	-
	<b>2.895.048.761</b>	<b>-</b>	<b>3.953.403.716</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về tạm ứng	725.192.951	-	600.257.427	-
- Ký cược, ký quỹ	15.600.000	-	15.600.000	-
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	976.730.885	-	985.082.595	-
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	2.853.074.697	-	1.864.160.627	-
- Phải thu khác	341.515.328	(243.793.174)	1.144.334.530	(243.793.174)
	<b>4.912.113.861</b>	<b>(243.793.174)</b>	<b>4.609.435.179</b>	<b>(243.793.174)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	407.733.066	-	407.733.066	-
	<b>407.733.066</b>	<b>-</b>	<b>407.733.066</b>	<b>-</b>



**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Nam Việt	123.343.174	-	123.343.174	-
+ Các đối tượng khác	120.450.000	-	120.450.000	-
	<b>243.793.174</b>	<b>-</b>	<b>243.793.174</b>	<b>-</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	10.441.965.936	-	13.605.739.192	-
Nguyên liệu, vật liệu	123.332.548.087	-	121.700.200.824	-
Công cụ, dụng cụ	2.968.861.861	-	2.785.855.156	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	110.786.316.854	-	121.387.154.178	-
Thành phẩm	4.737.392.195	-	8.723.388.740	-
Hàng hoá	11.129.634	-	9.900.757	-
Hàng gửi đi bán	6.106.037.163	-	6.671.956.948	-
	<b>258.384.251.730</b>	<b>-</b>	<b>274.884.195.795</b>	<b>-</b>

Trong đó:

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm bổ sung các khoản vay là toàn bộ giá trị hàng hóa tồn kho luân chuyển của Công ty tại thời điểm 30/06/2023. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh 14).



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	130.097.826.347	318.429.449.712	48.126.921.734	12.282.454.561	9.775.924.255	518.712.576.609
- Mua trong kỳ	-	738.049.658	1.189.768.182	-	-	1.927.817.840
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.610.176.359	-	-	-	-	3.610.176.359
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>133.708.002.706</b>	<b>319.167.499.370</b>	<b>49.316.689.916</b>	<b>12.282.454.561</b>	<b>9.775.924.255</b>	<b>524.250.570.808</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	65.009.439.710	193.849.670.149	22.890.438.094	11.419.837.033	1.890.472.481	295.059.857.467
- Khấu hao trong kỳ	2.566.086.275	13.202.735.995	1.207.914.215	282.073.424	1.102.909.878	18.361.719.787
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>67.575.525.985</b>	<b>207.052.406.144</b>	<b>24.098.352.309</b>	<b>11.701.910.457</b>	<b>2.993.382.359</b>	<b>313.421.577.254</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	65.088.386.637	124.579.779.563	25.236.483.640	862.617.528	7.885.451.774	223.652.719.142
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>66.132.476.721</b>	<b>112.115.093.226</b>	<b>25.218.337.607</b>	<b>580.544.104</b>	<b>6.782.541.896</b>	<b>210.828.993.554</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 66.344.322.846 VND.

Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 30/06/2023, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2023. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Protrade Laundry đã thanh lý toàn bộ tài sản cố định hữu hình để hoàn tất thủ tục giải thể theo Nghị Quyết số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 22/01/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty.



**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	530.000.000	8.458.029.711	8.988.029.711
- Mua trong kỳ	-	426.684.400	426.684.400
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>530.000.000</b>	<b>8.884.714.111</b>	<b>9.414.714.111</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	530.000.000	7.026.601.106	7.556.601.106
- Khấu hao trong kỳ	-	224.392.050	224.392.050
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>530.000.000</b>	<b>7.250.993.156</b>	<b>7.780.993.156</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	-	1.431.428.605	1.431.428.605
Tại ngày cuối kỳ	-	<b>1.633.720.955</b>	<b>1.633.720.955</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 565.055.000 VND.

Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 30/06/2023, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2023. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 30/06/2023 là 35.055.000 VND.

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.513.603.616	2.565.901.362
- Chi phí bảo hiểm tài sản	185.741.332	329.955.195
- Chi phí thuê đất, thuê chung cư	1.972.500.000	-
- Phí gia công wash Rock	1.135.007.164	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	204.670.793	230.919.181
	<b>6.011.522.905</b>	<b>3.126.775.738</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.515.681.134	1.624.237.548
- Chi phí tiền thuê đất (*)	33.855.644.050	34.351.092.502
- Chi phí trả trước dài hạn khác	144.316.584	181.546.872
	<b>35.515.641.768</b>	<b>36.156.876.922</b>

(\*) Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 20a.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa,  
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**13 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	39.483.074.033	17.249.004.784
- Giá trị lợi thế thương mại phát sinh trong kỳ	-	22.234.069.249
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>39.483.074.033</u>	<u>39.483.074.033</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	18.916.559.978	17.249.004.784
- Số phân bổ, tổn thất trong kỳ	1.111.703.462	555.851.731
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>20.028.263.440</u>	<u>17.804.856.515</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	20.566.514.055	-
Số dư cuối kỳ	<u>19.454.810.593</u>	<u>21.678.217.518</u>



## 14 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>127.149.378.479</b>	<b>127.149.378.479</b>	<b>658.716.969.746</b>	<b>663.804.047.824</b>	<b>122.062.300.401</b>	<b>122.062.300.401</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	70.890.596.786	70.890.596.786	221.068.357.172	198.187.219.763	93.771.734.195	93.771.734.195
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	52.483.594.726	52.483.594.726	129.292.094.560	161.518.078.098	20.257.611.188	20.257.611.188
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	3.775.186.967	3.775.186.967	308.356.518.014	304.098.749.963	8.032.955.018	8.032.955.018
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>34.300.000.000</b>	<b>34.300.000.000</b>	<b>27.700.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>32.000.000.000</b>	<b>32.000.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	34.300.000.000	34.300.000.000	27.700.000.000	30.000.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000
	<b>161.449.378.479</b>	<b>161.449.378.479</b>	<b>686.416.969.746</b>	<b>693.804.047.824</b>	<b>154.062.300.401</b>	<b>154.062.300.401</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	139.722.178.558	139.722.178.558	-	30.000.000.000	109.722.178.558	109.722.178.558
	<b>139.722.178.558</b>	<b>139.722.178.558</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>109.722.178.558</b>	<b>109.722.178.558</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(34.300.000.000)	(34.300.000.000)	(27.700.000.000)	(30.000.000.000)	(32.000.000.000)	(32.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>105.422.178.558</b>	<b>105.422.178.558</b>			<b>77.722.178.558</b>	<b>77.722.178.558</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**14 . CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)****Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm	Mục đích vay	30/06/2023	
					USD	VND
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b>					<b>2.154.606,86</b>	<b>93.771.734.195</b>
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 23.4882123/2023-HĐCVHM/NHCT900-MMBD ngày 25 tháng 05 năm 2023	Theo từng giấy nhận nợ	Từ ngày 19/05/2023 đến 18/05/2024	- Bảo đảm tài sản là máy móc thiết bị theo hợp đồng đảm bảo số 14.2170035-HĐTC/NHCT900-MMBD ngày 22/10/2014, hợp đồng số 08.791002-3/HĐTCTS ngày 23/10/2008, hợp đồng số 08.791002-1/HĐTCTS ngày 18/04/2008, hợp đồng số 09.851002/HĐTCTS ngày 27/04/2009 - Bảo đảm tài sản là hàng tồn kho luân chuyển số 01/2013/HĐTC-NHCT900-MMBD ngày 24/12/2013 - Bảo đảm tài sản là nguồn thu luân chuyển số 02/2013/HĐTC-NHCT900-MMBD ngày 24/12/2013	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng dệt may	2.154.606,86	51.281.880.749
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 22.3150124/2022-HĐCVHM/NHCT900-PTTHOITRANG ngày 14/07/2022	Theo từng giấy nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quyền sử dụng đất thuộc Dự án nhà máy Wash ; Công trình trên đất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy Wash; Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án Nhà máy Wash; Phương tiện vận tải.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm may mặc;		42.489.853.446
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương</b>					<b>852.952,05</b>	<b>20.257.611.188</b>
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 005B23-MBD ngày 27/02/2023	Theo từng giấy nhận nợ	26/02/2024	- Cầm cố tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng cầm cố tài khoản số 0066TC20 ngày 21/04/2020, hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 177TC20 ngày 26/10/2020 - Thẻ chấp tài sản là hàng hóa tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 178TC20 ngày 26/10/2020 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo - Thẻ chấp tài sản là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng (Khoản phải thu khách hàng/quyền đòi nợ) theo hợp đồng thế chấp tài sản phát sinh từ hợp đồng số 179TC20 ngày 26/10/2020	Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định	852.952,05	20.257.611.188



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**14 . CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)****Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn ( tiếp theo):**

	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm	Mục đích vay	30/06/2023	
					USD	VND
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương</b>					<b>338.514,75</b>	<b>8.032.955.018</b>
- Hợp đồng tín dụng số 01/2022/4675359/HĐTD ngày 26/12/2022	Theo từng giấy nhận nợ	12 tháng	Cầm cố khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo theo hợp đồng thế chấp 02/2023/4675359/HĐBĐ ngày 14/02/2023	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, chiết khấu bộ chứng từ, bảo lãnh, mở L/C	338.514,75	8.032.955.018
					<b>122.062.300.401</b>	

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm	Mục đích vay	30/06/2023	
					USD	VND
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b>						
- Hợp đồng cho vay dự án số 18.211.0067/2018 HĐCVDADT-SDBS09/NHCT900-PTTHOITRANG ngày 26/10/2021	Lãi suất - ngày được điều chỉnh 03 tháng một lần hàng năm	96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên;	Tài sản gắn liền trên đất thuộc Dự án, Máy móc thiết bị thuộc dự án;	Thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án xây dựng Nhà máy may mặc sản xuất Jean và phát triển thời trang quy mô 5,75 triệu sản phẩm/năm tại Lô số 20-8, Đường số 8B, KCN Quốc tế Protrade, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương		109.722.178.558
<b>Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng</b>						<b>(32.000.000.000)</b>
<b>Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng</b>						<b>77.722.178.558</b>

Các khoản vay tại ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.



## 15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>				
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	265.671.633	265.671.633	-	-
<b>Bên khác</b>				
- Olymp Bezner KG Hopfighmer	19.502.791.699	19.502.791.699	32.784.925.203	32.784.925.203
- Công ty Cổ phần May thêu Phát Đạt	12.618.621.753	12.618.621.753	16.808.518.669	16.808.518.669
- Công ty TNHH Dệt Tường Long	29.709.258.217	29.709.258.217	15.009.297.728	15.009.297.728
- Grandian Hong Kong Co., Ltd	6.680.002.951	6.680.002.951	9.546.532.534	9.546.532.534
- Sky Ahead Ltd	2.624.443.031	2.624.443.031	5.110.968.122	5.110.968.122
- Công ty Liên doanh Dệt nhuộm Việt Hồng	188.227.382	188.227.382	4.493.201.086	4.493.201.086
- Esquel Enterprises Limited	9.997.366.956	9.997.366.956	4.826.945.900	4.826.945.900
- Tce Corporation.	4.894.304.114	4.894.304.114	3.341.037.922	3.341.037.922
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Long Quân	1.727.875.809	1.727.875.809	2.588.638.922	2.588.638.922
- Phải trả các đối tượng khác	51.667.988.451	51.667.988.451	47.229.936.742	47.229.936.742
	<b>139.876.551.996</b>	<b>139.876.551.996</b>	<b>141.740.002.828</b>	<b>141.740.002.828</b>



## 16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	11.620.393.658	11.606.589.580	-	13.804.078
- Thuế xuất, nhập khẩu	7.130.718.660	-	231.879.205	3.697.455.888	10.596.295.343	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	171.495.340	45.214.375.671	8.193.212.599	45.078.995.330	171.495.340	8.328.592.940
- Thuế thu nhập cá nhân	-	746.354.634	4.102.465.857	3.011.426.433	-	1.837.394.058
- Các loại thuế khác	-	34.835.765	361.751.402	357.429.669	-	39.157.498
	<b>7.302.214.000</b>	<b>45.995.566.070</b>	<b>24.509.702.721</b>	<b>63.751.896.900</b>	<b>10.767.790.683</b>	<b>10.218.948.574</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

C.T.C.P



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa,  
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	67.499.987	332.193.812
- Chi phí thuê nhà xưởng	711.642.786	204.208.675
- Trích trước chi phí wash	874.319.857	-
	<u><u>1.653.462.630</u></u>	<u><u>536.402.487</u></u>

**18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	1.539.505.641	3.303.281.256
- Bảo hiểm xã hội	155.692.512	146.728.332
- Bảo hiểm y tế	327.069.081	268.059.987
- Bảo hiểm thất nghiệp	50.020.162	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	74.399.760.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	798.982.516	1.281.233.299
	<u><u>77.271.029.912</u></u>	<u><u>4.999.302.874</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>130.334.259</b>	<b>(1.135.037.967)</b>	<b>89.160.538.502</b>	<b>115.899.251.543</b>	<b>34.676.058</b>	<b>324.089.762.395</b>
Tăng vốn trong kỳ	127.999.200.000	-	-	(95.448.516.598)	(32.550.683.402)	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	226.307.634.564	(8.573.277.509)	217.734.357.055
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	6.287.978.096	(6.287.978.096)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.528.036.273)	(3.589.467)	(5.531.625.740)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(628.797.810)	-	(628.797.810)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(30.000.000.000)	-	(30.000.000.000)
Điều chỉnh tăng phần sở hữu trong tài sản thuần của Công ty con tại ngày đạt quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	23.489.303.457	23.489.303.457
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con trong kỳ	-	-	-	-	(8.162.857.591)	8.162.857.591	-
Giảm khác	-	-	-	-	(1.833.778.773)	(1.761.127)	(1.835.539.900)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>247.999.200.000</b>	<b>130.334.259</b>	<b>(1.135.037.967)</b>	<b>-</b>	<b>257.214.754.162</b>	<b>23.108.209.003</b>	<b>527.317.459.457</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	<b>247.999.200.000</b>	<b>130.334.259</b>	<b>(1.135.037.967)</b>	<b>-</b>	<b>257.214.754.162</b>	<b>23.108.209.003</b>	<b>527.317.459.457</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	40.935.661.262	(1.636.278.636)	39.299.382.626
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	59.369.394.731	(59.369.394.731)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(11.873.878.946)	-	(11.873.878.946)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	-	-	-	-	(1.978.979.824)	-	(1.978.979.824)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(74.399.760.000)	-	(74.399.760.000)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con trong kỳ	-	-	-	-	(4.680.597.475)	4.680.597.475	-
Tăng khác	-	-	-	-	558.199.527	1.141.514	559.341.041
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>247.999.200.000</b>	<b>130.334.259</b>	<b>(1.135.037.967)</b>	<b>59.369.394.731</b>	<b>146.406.003.975</b>	<b>26.153.669.356</b>	<b>478.923.564.354</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa,  
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(\*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ	Phân phối LNST năm 2022 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022		197.897.982.436
Trích Quỹ đầu tư phát triển	30,00%	59.369.394.731
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1,00%	1.978.979.824
Trích Quỹ thưởng Khen thưởng, phúc lợi	6,00%	11.873.878.946
Chi trả cổ tức bằng tiền (tương ứng mỗi cổ phần nhận 300 đồng)	37,60%	74.399.760.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	25,40%	50.275.968.935

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ %	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	47,71	118.314.180.000	47,71	118.314.180.000
- Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	39,02	96.775.800.000	39,02	96.775.800.000
- Cổ đông khác	13,27	32.909.220.000	13,27	32.909.220.000
	<b>100,00</b>	<b>247.999.200.000</b>	<b>100,00</b>	<b>247.999.200.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	247.999.200.000	120.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	247.999.200.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	74.399.760.000	30.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước</i>	74.399.760.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước</i>	-	-
- <b>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</b>	<b>74.399.760.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.799.920	24.799.920
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.799.920	24.799.920
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.799.920	24.799.920
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.799.920	24.799.920
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.799.920	24.799.920
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

**e) Các quỹ của công ty**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	59.369.394.731	-



**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 02-9/12 ngày 19/12/2018 để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng và nhà ăn tập thể cho nhân viên từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2034. Diện tích khu đất thuê là 51.281,9 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất vào tháng 01 hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 30/06/2023 các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.335.000.000	2.335.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	9.847.500.000	9.642.500.000
- Trên 5 năm	18.005.300.000	20.545.300.000
	<b>30.187.800.000</b>	<b>32.522.800.000</b>

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương thuê tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng và nhà ăn tập thể với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại địa chỉ số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 01-9/12 ngày 19/12/2018. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê tài sản hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 30/06/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.423.285.573	1.423.285.573
- Trên 1 năm đến 5 năm	4.086.009.820	4.126.383.146
- Trên 5 năm	1.531.980.586	2.080.360.635
	<b>7.041.275.979</b>	<b>7.630.029.354</b>

Công ty ký hợp đồng thuê chung cư số 22/HĐ-IMPCO ngày 28/12/2022 với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương tại Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo để sử dụng với mục đích cho cán bộ nhân viên của công ty ở và sinh hoạt. Diện tích sử dụng là 7.510,68 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận.

Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang ký hợp đồng thuê đất số PICL/SLA.60 ngày 20/02/2018 với Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Protrade tại đường số 8B, số 7, Khu Công nghiệp Quốc tế Protrade, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng từ năm 2018 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 49.227,2 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang ký hợp đồng thuê toàn bộ căn hộ 15-26 Chung cư Happy One ngày 25/05/2021 với ông Nguyễn Hữu Tân (bên cho thuê) tại địa chỉ Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích cho ông Appadoo Anish là nhân viên nước ngoài của Công ty ở và sinh hoạt. Diện tích sử dụng là 40 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hàng tháng cho đến khi đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận.

**b) Tài sản nhận giữ hộ**

Chủng loại, quy cách	Đvt	30/06/2023		01/01/2023	
		Số lượng	Chất lượng	Số lượng	Chất lượng
Vải các loại	Yard	204.822,96	Bình thường	155.786,96	Bình thường

**c) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2023	01/01/2023
Đô la Mỹ (USD)	1.021.937,67	5.413.710,04



**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	629.264.616.628	879.341.190.342
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	115.807.640.573	17.768.995.146
Doanh thu bán nguyên liệu, phế liệu	168.298.904	2.880.812.671
	<b>745.240.556.105</b>	<b>899.990.998.159</b>

**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	3.978.315.038	15.358.449
	<b>3.978.315.038</b>	<b>15.358.449</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	529.018.775.233	718.505.981.406
Giá vốn dịch vụ gia công	94.820.696.511	17.053.831.686
Giá vốn của nguyên liệu, phế liệu đã bán	36.042.601	2.126.161.269
	<b>623.875.514.345</b>	<b>737.685.974.361</b>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.257.480.803	2.061.177.646
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.404.000.593	21.144.672.461
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	12.893.165	17.767.258
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	10.799.405.063
	<b>18.674.374.561</b>	<b>34.023.022.428</b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.955.345.912	5.879.376.447
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	8.742.188.629	11.575.358.513
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	632.939.517	1.204.269.386
	<b>18.330.474.058</b>	<b>18.659.004.346</b>

**26 . PHẦN LÃI/ LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	-	1.598.499
	<b>-</b>	<b>1.598.499</b>



**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	2.184.072.054	2.645.259.980
Chi phí nhân công	411.811.402	267.402.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.154.816	11.577.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.653.421.159	14.145.449.738
Chi phí khác bằng tiền	65.585.060	54.333.439
	<b>11.338.044.491</b>	<b>17.124.023.182</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng quản lý	973.209.050	2.298.265.115
Chi phí nhân công	49.857.752.256	55.574.492.993
Chi phí khấu hao tài sản cố định	887.009.996	681.843.045
Thuế, phí, lệ phí	2.654.355.609	2.379.387.876
Phân bổ lợi thế thương mại	1.111.703.462	555.851.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.994.868.180	2.502.832.910
Chi phí khác bằng tiền	1.742.621.897	1.478.277.052
	<b>60.221.520.450</b>	<b>65.470.950.722</b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ bán phế liệu, thanh lý công cụ dụng cụ	14.943.179	205.189.752
Tiền hỗ trợ hàng mẫu	1.918.918.425	2.058.866.550
Tiền bồi thường nhận được	2.534.217.340	1.483.168.444
Thu nhập khác	525.003.227	8.924.022
	<b>4.993.082.171</b>	<b>3.756.148.768</b>

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu	1.262.071.228	32.746.739
Chi phí khác	207.082.610	981.302.841
	<b>1.469.153.838</b>	<b>1.014.049.580</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	8.752.553.640	14.148.516.402
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	-	871.527.450
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>8.752.553.640</b>	<b>15.020.043.852</b>



**32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	20.129.050.442	18.485.996.091
	<b>20.129.050.442</b>	<b>18.485.996.091</b>

**b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.643.054.351	5.163.985.122
	<b>1.643.054.351</b>	<b>5.163.985.122</b>

**33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	40.935.661.262	81.470.231.327
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	40.935.661.262	81.470.231.327
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	24.799.920	24.799.920
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.651</b>	<b>3.285</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30/06/2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	369.591.269.088	421.267.807.913
Chi phí nhân công	203.073.232.521	205.979.708.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.586.111.838	14.072.281.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.082.626.283	145.863.955.573
Chi phí khác bằng tiền	9.219.495.972	4.702.660.150
	<b>679.552.735.702</b>	<b>791.886.413.315</b>

**35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.



**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Tiền và tương đương tiền	111.700.603.434	-	-	111.700.603.434
Phải thu khách hàng, phải thu khác	226.273.907.476	407.733.066	-	226.681.640.542
Các khoản cho vay	113.524.291.699	3.000.000.000	-	116.524.291.699
	<b>451.498.802.609</b>	<b>3.407.733.066</b>	-	<b>454.906.535.675</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và tương đương tiền	166.841.673.406	-	-	166.841.673.406
Phải thu khách hàng, phải thu khác	190.067.603.003	407.733.066	-	190.475.336.069
Các khoản cho vay	119.594.791.699	-	-	119.594.791.699
	<b>476.504.068.108</b>	<b>407.733.066</b>	-	<b>476.911.801.174</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Các khoản vay	154.062.300.401	77.722.178.558	-	231.784.478.959
Phải trả người bán, phải trả khác	217.147.581.908	-	-	217.147.581.908
Chi phí phải trả	1.653.462.630	-	-	1.653.462.630
	<b>372.863.344.939</b>	<b>77.722.178.558</b>	-	<b>450.585.523.497</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Các khoản vay	161.449.378.479	105.422.178.558	-	266.871.557.037
Phải trả người bán, phải trả khác	146.739.305.702	-	-	146.739.305.702
Chi phí phải trả	536.402.487	-	-	536.402.487
	<b>308.725.086.668</b>	<b>105.422.178.558</b>	-	<b>414.147.265.226</b>



Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**36 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	658.716.969.746	791.989.327.943
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	694.722.594.345	910.401.906.411

**37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập tại Công ty mẹ	
		06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
		VND	VND
- Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	407.083.000
- Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	305.313.000
- Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	-	203.542.000
- Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên Hội đồng quản trị	-	203.542.000
- Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên Hội đồng quản trị	-	490.271.696
- Ông Phan Thành Đức	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc	1.265.441.824	900.990.237
- Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc	1.148.110.985	820.902.355
- Bà Đoàn Thị Kim Ngân	Thư ký Hội đồng quản trị Kế toán trưởng	517.948.882	417.598.736
- Ông Hứa Tuấn Cường	Trưởng Ban kiểm soát	-	188.640.000
- Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	-	125.760.000
- Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Thành viên Ban kiểm soát (Bỏ nhiệm ngày 26/04/2023)	-	-
- Ông Nguyễn Mai Khánh Trinh	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 31/07/2022)	-	125.760.000

Ngoài các giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**39 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Người lập



Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 17 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức